

Sơn môn Liên Phái trong dòng chảy lịch sử Phật giáo Việt Nam

ISSN: 2734-9195 16:20 01/03/2023

PGS.TS.Nguyễn Hồng Dương *Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam*

Tóm tắt: Nửa đầu thế kỷ XVIII, với sự xuất hiện của chùa Liên Tông (sau đổi thành chùa Liên Phái), trải thời gian, hình thành nên một sơn môn nổi tiếng ở đất Hà Thành – Sơn môn Liên Phái. Từ khi ra đời, hình thành đến nay, ngọn đèn thiền của sơn môn luôn tỏa rạng, không chỉ ở Hà Thành mà còn lan tỏa ra các vùng xung quanh, trở thành một sơn môn lớn, có vai trò, vị trí không chỉ đối với Phật giáo miền Bắc, mà còn đối với Phật giáo Việt Nam.

Trên cơ sở dữ liệu thư tịch, các công trình nghiên cứu và tài liệu điền dã, bài viết tập trung vào 2 phần nội dung sau:

1. Nền tảng ra đời, sự hình thành và phát triển của sơn môn Liên Phái;
2. Sơn môn Liên Phái với sự nghiệp duy trì mạng mạch, xương long Phật giáo Thiền Lâm Tế.

Từ khóa: Sơn môn Liên Phái. Vai trò của sơn môn trong lịch sử Phật giáo Việt Nam.

1. Nền tảng ra đời, sự hình thành và phát triển của Sơn môn Liên Phái

1.1. Nền tảng ra đời của sơn môn Liên Phái

Trải thời Lê Sơ, thời Mạc, đến thời Lê Trung Hưng, Phật giáo Việt Nam nói chung, Phật giáo Đàng Ngoài nói riêng có điều kiện mới để phát triển. Trước hết là sự xuất hiện của thiền sư Chuyết Chuyết (1590 – 1644) truyền bá Thiền phái Lâm Tế.

Lâm Tế là một phái Thiền tông Trung Quốc, do Ngài Lâm Tế Nghĩa Huyền (? - 867) thuộc pháp hệ Ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng khai sáng vào đời Đường, một trong mười ba tông của Nhật Bản. Thiền phái Lâm Tế truyền vào nước ta ở Đàng Ngoài do thiền sư Chuyết Chuyết và Minh Hành Tại Tại (1596 - 1659); Đàng Trong do thiền sư Nguyên Thiều - Siêu Bạch (1648 - 1728) và Minh Hoàng - Tử Dung (? - ?).

Thiền sư Chuyết Chuyết từng đi nhiều nơi trong nước Trung Hoa để giáo hóa chúng sinh, khoảng năm 1630, ông cùng một số đệ tử đến Cao Miên rồi dời Cao Miên sang Chiêm Thành sang Đại Việt. Từ Đàng Trong, thiền sư qua Đàng Ngoài dừng chân hoằng hóa tại chùa Thiên Tượng, Nghệ An và chùa Trạch Lâm, Thanh Hóa. Đến năm 1633 ông tới Thăng Long ở lại chùa Khán Sơn và bắt đầu giảng dạy Phật giáo. Một thời gian sau ông dời về chùa Phật Tích, huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh. Sau khi chùa Ninh Phúc/ Bút Tháp (xã Đình Tổ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) hoàn tất việc trùng tu, ông được mời sang trụ trì chùa này và ở đó cho đến khi viên tịch (năm 1644), thọ 55 tuổi. Thiền sư Chuyết Chuyết thuộc vào thế hệ thứ 34 dòng Lâm Tế. Hai đệ tử xuất sắc nhất của ông là Minh Hành Tại Tại và Minh Lương/ Minh Lương Mãn Giác (2. 1675). Năm 1643 khi Chuyết Chuyết rời sang trụ trì chùa Ninh Phúc/ Bút Tháp thì Minh Hành trở thành viện chủ chùa Phật Tích. Khi Chuyết Chuyết mất (1644), ông trở thành viện chủ chùa Ninh Phúc/ Bút Tháp. Ông mất năm 1649, thọ 64 tuổi. Chân Trú và Diệu Tuệ là hai người đệ tử của Minh Hành.

Minh Hành để lại bài kệ truyền thừa như sau:

Minh Chân Như Tính Hải

Kim Tường Phổ Chiếu Thông

Chí Đạo Thành Chính Quả

Giác Nghộ Chứng Chân Không.

Dịch nghĩa:

Thấy chân như biển rộng

Ánh vàng chiếu vô cùng

Đạt đạo thành chính quả

Giác ngộ chứng chân không.

Chữ của bài kệ này được dùng để đặt pháp danh cho các thế hệ kế tiếp của Lâm Tế ở Đàng Ngoài[1].

[caption id="attachment_15702" align="aligncenter" width="800"]Dsc 0195
Tam quan chùa Liên Phái. Ảnh: Minh Minh[/caption]

Sự kiện thứ hai đó là vai trò của thiền sư Chân Nguyên (1647 – 1726). Thiền sư họ Nguyễn (Nguyễn Văn Nghiêm), hiệu là Đình Lân, quê làng Tiền Liệt, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày nay. Thiền sư xuất gia năm 15 tuổi với thiền sư Chân Trú tại chùa Hoa Yên, pháp danh là Tuệ Đăng. Khi thiền sư Chân Trú qua đời, Ngài đến chùa Vĩnh Phúc, núi Côn Cương, làng Phù Lãng, tham học với thiền sư Minh Lương, đặt pháp hiệu là Chân Nguyên. Căn cứ vào pháp hiệu cho thấy Ngài là đệ tử thứ hai tông Lâm Tế Đàng Ngoài. Sau khi lĩnh ngộ, đắc pháp, thiền sư Minh Lương giao dòng thiền Lâm Tế cho Chân Nguyên kế thừa và làm hưng thịnh.

Về tư tưởng: qua một số tác phẩm mà Chân Nguyên để lại (Thiền tịch phú; Trần Triều Thiền tôn chỉ nam truyền tâm quốc ngữ hành; Thiền tông bản hạnh) cho thấy tư tưởng “dĩ tâm truyền tâm” của Thiền Lâm Tế thể hiện rõ nét. Theo đó còn là vấn đề bản thể. Bản thể là tự tính tồn tại trong vạn pháp, đó chỉ là giả, là quyền mà có mọi hiện tượng, còn thực chất thì không có gì cả. Bản thể là không. Về vấn đề này tác giả Nguyễn Duy Hình nhận xét: “Nếu khái quát lại tư tưởng Phật giáo của Chân Nguyên, cơ bản là tư tưởng của Trúc Lâm, tuy nhận truyền thừa Lâm Tế, song thực tế không thể hiện các đặc trưng Lâm Tế của Nghĩa Huyền hay Dương Kỳ Phương Hội. Tư tưởng tự tính không giả danh đều được đề cập, nhưng không nhấn mạnh Tâm như tông Trúc Lâm mà nhấn mạnh Bản Lai vô nhất vật”[2].

Có thể còn có những nguyên nhân khác nhưng hai sự kiện trên đóng vai trò trực tiếp đến việc ra đời sơn môn Liên Phái.

1.2. Sự hình thành và phát triển của sơn môn Liên Phái

1.2.1. Sự hình thành sơn môn Liên Phái

Phật giáo Việt Nam trước Phong trào Chấn hưng (được khởi xướng từ nửa đầu thế kỷ XX) là sự hợp thành của các sơn môn. Mọi sinh hoạt, giáo dục, giới đàn... đều do sơn môn đảm nhận. Thông thường tên gọi sơn môn thường lấy tên chùa để đặt. Sơn môn Đa Bảo, lấy tên chùa Đa Bảo; Sơn môn Khê Hối lấy tên chùa Khê Hối,... Song sơn môn Liên Phái lại có đặc thù về tên gọi. Theo Chùa Liên Phái danh lam nổi tiếng Hà Thành, Trịnh Thập/ Tổ Như Trừng/ Như Trừng Lân Giác, một hôm cho gia nhân cải tạo khu đồi Mai (địa phận làng Hồng Mai, tổng

Tả Nghiêm, huyện Thọ Xương, phủ Phụng Thiên)[3] xây dựng dinh thự ở đây, thấy xuất hiện một ngó sen. Ngài cho rằng mình có duyên với Phật, nên Ngài xuất gia và xây chùa thờ Phật (cải gia vị tự). Cũng nhân sự kiện ấy, Ngài đặt tên chùa là chùa Liên Hoa (Hoa Sen). Đến thời Nguyễn, thực hiện luật kiêng kị của triều đình, chùa được đổi thành Liên Phái[4].

Tổ khai sáng ra chùa Liên Phái là Tổ Cứu Sinh (1696- 1733), pháp hiệu là Như Trừng Lâm Giác (khi chưa xuất gia là Thế tử Trịnh Thập)[5].

1.2.2. Quá trình phát triển

Thế tử Trịnh Thập xuất gia tu hành vào thời điểm Thiền Lâm Tế đã hiện diện ở Việt Nam, trải đời thứ hai theo bài kệ truyền thừa của Minh Hành (đã đề cập ở phần trên) với chữ Chân trong hàng này nổi lên là Chân Nguyên/ Chân Nguyên Long Động. Chân Nguyên được tổ Minh Lương chân truyền thiền phái Thiền Lâm Tế Đàng Ngoài.

Là dòng dõi Chúa Trịnh, học rộng hẵn Trịnh Thập đã biết đến Thiền phái Lâm Tế đặc biệt là danh tiếng của thiền sư Chân Nguyên. Vào thời điểm đó thiền sư Chân Nguyên được giao trụ trì chùa Long Động ở núi Yên Tử và chùa Quỳnh Lâm (Đông Triều, Quảng Ninh ngày nay). Sau khi biến đổi tư dinh thành ngôi chùa thờ Phật “Ngài bỏ nhà lên núi Yên Tử, tìm Sư tổ Chân Nguyên để học đạo. Thấy Ngài là người có tâm với đạo, lại có trí tuệ hơn người, nên tổ Chân Nguyên đã trao pháp hiệu Như Như[6] và hướng dẫn tu tập rất cẩn thận. Ít lâu sau, Tổ Chân Nguyên cho Ngài về trông nom chùa Hàm Long ở huyện Quế Dương trấn Kinh Bắc[7] từ đó Ngài chuyên tâm tu luyện ở đây[8].

Như vậy, ngoài việc trụ trì chùa Liên Phái, Tổ Như Trừng Lâm Giác còn trụ trì chùa Hàm Long. Một thời gian sau Tổ còn khai hóa chùa Hộ Quốc (nay thuộc phường Thanh Lương quận Hai Bà Trưng, Hà Nội).

Trải thời gian với biến động của lịch sử dân tộc, của Phật giáo Việt Nam nói chung, Phật giáo Đông Đô – Hà Nội nói riêng, tại sơn môn Liên Phái, ngọn đèn thiền lúc nào cũng tỏa sáng. Lịch sử chùa Liên Phái cho biết đến thời điểm hiện tại (2023) đã có 13 tổ kế thế trụ trì chùa. Đó là các tổ:

Tổ đời thứ nhất: Như Trừng Lâm Giác Thượng sĩ

Tổ đời thứ hai: Hòa thượng Trạm Công Tính Truyền

Tổ đời thứ ba: Bảo Sơn Tính Dực Hòa thượng

Tổ đời thứ tư: Từ Phong Hải Quỳnh Hòa thượng

Tổ đời thứ năm: Kim Liên Tịch Truyền Hòa thượng

Tổ đời thứ sáu: Phổ Tính Đại sư

Tổ đời thứ bảy: Hòa thượng Phúc Điền

Tổ đời thứ tám: Hòa thượng Thích Thông Bích

Tổ đời thứ chín: Thiền sư Thanh Duyên

Tổ đời thứ mười:

Tổ đời thứ mười một: Hòa thượng Thanh Dụng

Tổ đời thứ mười hai: Hòa thượng Thích Thanh Tuệ

Tổ đời thứ mười ba: Hòa thượng Thích Gia Quang.

Nhìn vào thống kê thế thứ cho thấy, đến đời tổ thứ 6, pháp danh các tổ đều tuân thủ theo kệ truyền thừa mà Đại sư Minh Hành/ Minh Hành Tại Tại để lại.

NHƯ - TÍNH - HẢI - KIM - PHỔ

Có hai tổ theo pháp danh Tính, 3 tổ theo pháp danh Như, Hải, Kim, Phổ. Từ tổ Phúc Điền Hòa Thượng (1784 – 1863) không còn theo kệ truyền thừa để đặt pháp danh. Tuy vậy Tổ Phúc Điền Hòa thượng vẫn là đệ tử chân truyền của Từ Phong Hải Quýnh. Cuốn Chùa Liên Phái danh lam nổi tiếng Hà Thành ghi chép về hành trạng Tổ Phúc Điền Hòa thượng, mục 1.2. Quá trình xuất gia học đạo cho biết:

Hòa thượng xuất gia năm mười hai tuổi, làm đệ tử Hòa thượng Viên Quang Hải Tiên, chùa Đại Bi, xã Thịnh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội. Năm 15 tuổi tôn sư viên tịch, Hòa thượng theo hầu Tổ Từ Phong Hải Quýnh chùa Phúc Xuân, xã Nam Dư và được Tổ sư trao giới Sa di với pháp danh Tịch Tịch. Như vậy, tuy không lấy pháp danh theo bài kệ truyền thừa nhưng ngoài việc là đệ tử chân truyền từ Hòa thượng Từ Phong Hải Quýnh thì pháp danh Tịch Tịch, một cách đặt điệp từ cho thấy Phúc Điền Hòa thượng vẫn thuộc tông Lâm Tế Đàng Ngoài, chi Chuyết Chuyết[9].

Nửa đầu thế kỷ XX, Phật giáo Việt Nam thực hiện Phong trào Chấn hưng. Trong ba cuộc cách mạng mà Phong trào thực hiện có cuộc cách mạng Giáo chế, chấn hưng Tăng đoàn/ Tăng già. Phật giáo Việt Nam từ đây thay vì theo truyền thống tổ chức sơn môn là những tổ chức giáo hội. Vì vậy mà không ít sơn môn các đời kế thừa đã không lấy pháp danh theo kệ truyền thừa, thay vào đó với tăng bắt đầu từ chữ Thích tiếp theo là chữ Thanh, nữ bắt đầu bằng chữ Đàm (nam

Thanh, nữ Đàm)[10].

Hầu hết các Tổ của sơn môn Liên Phái ngoài trụ trì chùa Liên Phái còn kiêm trụ trì và hưng công xây dựng một số thiền tự. Đó là nguyên nhân làm cho sơn môn Liên Phái, theo thời gian phát triển ra nhiều vùng.

Như phần trên đề cập, Tổ Như Trừng xây chùa Liên Phái, chùa Hộ Quốc, trụ trì của Hàm Long.

Một trong những Tổ có vai trò xương long sơn môn là Tổ đời tứ tám – Hòa thượng Thích Thông Bính. “Hòa thượng vốn ở chùa Tràng Tín, sau được đón về trụ trì chùa Liên Phái. Trong tấm bia để ở nhà bia trong chùa gọi là cụ Bính Đào.

Từ đây, người kế đặng chùa Tổ Thông Bính gồm 10 vị được chia đi coi giữ các chùa ở đất Hà Thành.

Chi giáp: thiền sư Trường Chinh Thanh Duyên.

Chi ất: thiền sư Thanh Công đến trụ trì chùa Thanh Phúc.

Chi bính: thiền sư.

Chi đinh: thiền sư Thanh Trà về trụ trì chùa Bát Mẫu.

Chi mậu: Thiền sư Thanh Mạc và trụ trì chùa (?).

Chi kỷ: thiền sư Thanh Trước về trụ trì của Thịnh Quang.

Chi canh: thiền sư Thanh Thu ở chùa Một Cột.

Chi tân: thiền sư (?)

Chi nhâm: thiền sư Thanh Tùng ở chùa Hoàng Kim.

Chi quý: thiền sư Thanh Thuận ở chùa Linh Sơn.

Để có thêm một góc nhìn về sơn môn Liên Phái trong Thiền tông Lâm Tế Đàng Ngoài, xin được trích dẫn bài viết về truyền thừa chùa Ráng – Tổ đình Viên Minh (xã Quang Lăng, huyện Phú Xuyên, Hà Nội), nơi ghi dấu ấn vị tăng già, đệ tam Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam Đại lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ (1917 – 2021).

“Chùa Ráng/ Giáng/ Viên Minh tự cùng với chùa Đa Bảo là các tổ đình của sơn môn Đa Bảo. Chùa Đa Bảo là chi phái của sơn môn chùa Đọi, như câu ca dao: Nhất Đọi, nhì Đa (Đa Bảo), thứ ba Khê Hối.

- 1 – Thiền sư Viên Văn Chuyết Công, đại Hòa thượng chùa Bút Tháp, chùa Phật Tích.
- 2 – Thiền sư Minh Lương, tổ đình Phúc Lãng.
- 3 – Thiền sư Chân Nguyên Tuệ Đăng (1647 – 1726), trụ trì chùa Long Động, chùa Quỳnh Lâm.
- 4 – Thiền sư Như Trừng Lân Giác (1696 – 1733) đệ nhất trụ trì chùa Liên Phái – Hàm Long.
- 5 – Thiền sư Bảo Sơn Tính Dực (1674 – 1744) đệ nhị trụ trì chùa Liên Phái.
- 6 – Thiền sư Hải Quýnh Từ Phong (1728 – 1811) đệ tam trụ trì chùa Liên Phái.
- 7 – Thiền sư Tịnh Chiếu, đệ nhất tổ chùa Hoa Lâm, Khê Hối, Thường Tín, Hà Nội.
- 8 – Thiền sư Chiếu Thường, đệ nhất chùa Đa Bảo, Phú Xuyên, Hà Nội.
- 9 – Thiền sư Phổ Thiền, đệ nhị tổ chùa Đa Bảo, Phú Xuyên, Hà Nội.
- 10 – Hàng chữ Thông chưa rõ tên hiệu thuộc sơn môn Đa Bảo.
- 11 – Hàng chữ Tâm, chưa rõ tên hiệu thuộc sơn môn Đa Bảo.
- 12 – Thiền sư Nguyên Uẩn, đệ nhất tổ Viên Minh.
- 13 – Thiền sư Thích Quảng Tốn đệ nhị tổ Viên Minh.
- 14 – Thiền sư Phổ Tuệ (1917 – 1921) đệ tam tổ Viên Minh[11].

2. Sơn môn Liên Phái với sự nghiệp duy trì mạng mạch, xương long Phật giáo thiền Lâm Tế

Thiền Lâm Tế là một trong 5 tông phái của Thiền Tông (Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn, Quy Ngưỡng), đây là dòng thiền phương Nam, sơ tổ là Huệ Năng theo pháp tu Đốn ngộ, dòng thiền Phương Bắc, sơ tổ là Thần Tú theo pháp tu tiệm ngộ. Vì vậy mà có câu “Nam Năng, Bắc Tú”.

Văn điển của thiền tông: kinh Lăng Già và kinh Kim Cương.

Tôn chỉ chung: Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật (không lập văn tự, truyền giáo ngoại điển, chỉ thẳng tâm người, thấy tính thành Phật).

Có hai thuyết lý chính:

- Thật tướng vô tướng: Không tính
- Vạn pháp quy tâm: muôn pháp do tâm

Giải thoát luận hay mục đích:

- Ngộ: thấy tính
- Chứng: chứng tính

Pháp môn:

Phương pháp chung: thực tập thiền truyền thống: chỉ quán.

Phương pháp riêng: mỗi dòng thiền có chủ trương và phương pháp riêng: Công án; Thoại đầu; Nội quán.

Phương pháp truyền thừa: “dĩ tâm truyền tâm” – dùng tâm truyền tâm; Truyền kệ.

Thiền tông chủ trương và nhấn mạnh đến tinh thần “tự lực”, “độc lập” và “sáng tạo”. Điều này hoàn toàn khế hợp với tinh thần nguyên bản của đạo Phật[12].

Truyền bá vào Việt Nam, thiền Lâm Tế một trong năm dòng thiền về cơ bản vẫn giữ những nền tảng trên. Thiền Lâm Tế ở Đàng Ngoài vì vậy được xem là Lâm Tế chính tông. Song đó là xuất phát từ cách tiếp cận trên nền tảng cơ bản. Truyền bá vào Việt Nam trong thời điểm chính quyền Lê – Trịnh đang trong thời kỳ Trung Hưng. Phật giáo thời Lê Sơ, đặc biệt là Phật giáo thời Mạc đã có những bước phát triển mới, tạo nền tảng để tiếp nhận và xương long thiền Lâm Tế.

Vào cuối thời Trần, Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử suy vi được hiểu chủ yếu suy vi về hệ thống tăng già và vai trò quốc sự. Tư tưởng của Phật giáo Trúc lâm hàm lượng của nó một mặt vẫn hiện tồn, sống động với thực tại, mặt khác một phần lại ẩn tàng trong cơ tầng Phật học Việt Nam. Để rồi tất cả được “sống lại” với vai trò của Thiền sư Chân Nguyên Long Động. Thuộc vào thế hệ thứ hai thiền Lâm Tế, khi được giao trụ trì chùa Long Động (chùa Lâm – Yên Tử), chùa Quỳnh Lâm (Đông Triều, Quảng Ninh) là hai tổ đình thuộc Phật giáo Trúc Lâm. Đó là cơ duyên để Thiền sư Chân Nguyên góp phần quan trọng chấn hưng Phật giáo Trúc Lâm.

Về lĩnh vực tư tưởng (hay thiền học) được ông thể hiện trong một số tác phẩm của ông như: Thiền tịch phú, Trần Triều thiền tôn chỉ nam truyền tâm quốc ngữ; Thiền tông bản hạnh... Chân Nguyên đề cập đến “tứ mục tương cố” (Bốn mặt

nhìn nhau) một cách truyền tâm ấn. Đặc biệt là việc đề cập đến bản thể. Theo ông bản thể là tự tính tồn tại trong vạn pháp, đó chỉ là giả, là quyền mà có mọi hiện tượng, còn thực chất thì không có gì cả. Bản thể là không.

[caption id="attachment_15746" align="alignleft" width="500"]

Tap Chi Nghien Cuu Phat Hoc Son Mon Lien Phai To Nhu Trung Lan Giac Thap Tich Qu

Tháp Tịch Quang tại chùa Quỳnh Lâm, Quảng Ninh thờ thiền sư Chân Nguyên.

Ảnh: Minh Minh[/caption]

Phục dựng Phật giáo Trúc Lâm, khế hợp tư tưởng Phật giáo Trúc Lâm với Thiền học Lâm Tế, Thiền sư Chân Nguyên được xem là cầu nối giữa hai dòng thiền ở Đàng Ngoài. Có lẽ vì vậy mà sự khế hợp này làm xuất hiện khái niệm thiền Trúc – Tế (Trúc Lâm – Lâm Tế) như một số nhà nghiên cứu chủ trương.

Hẳn việc phục hưng Phật giáo Trúc Lâm, khế hợp tư tưởng hai dòng thiền của Chân Nguyên đã có ảnh hưởng rất lớn đến Tổ Như Trừng Lâm Giác vị đệ tử chân truyền của Chân Nguyên. Tổ Như Trừng Lâm Giác để lại hai trước tác bằng thơ Nôm: Ngũ giới Quốc âm và Thập giới Quốc âm khai triển Giáo luật, một trong tam tạng kinh điển Phật giáo. Về lĩnh vực tư tưởng của Tổ được thể hiện trong bài kệ dưới đây:

Bản tùng vô bản

Tùng vô vi lai

Hoàn tùng vô vi khứ

Ngã bản vô lai khứ

Tử sinh há chẳng lụy?[13].

(Gốc bắt nguồn từ nơi không gốc. Tức vô vi mà đến. Lại đi về vô vi. Ta không đến không đi. Tử sinh làm sao hệ lụy được).

Bài kệ tuy ngắn nhưng khổ đầu cho thấy ở đó có tư tưởng của Huệ Năng trong câu đầu của bài kệ “Bồ đề vốn không cây”. Đó còn là tư tưởng: thật tướng, vô tướng: không tính của thiền học Thiền Lâm Tế. Hai khổ thơ cuối ảnh hưởng tư tưởng Đại thừa phát triển trong Trung Luận của Bồ Tát Long Thụ. Trong Trung Luận, Long Thụ gạt bỏ quan niệm cố định từ trước quan sát thế giới theo hai mặt: sinh, diệt; thường, đoạn; một, khác; đi và lại. Chân tướng của thế giới chỉ có thể nói là ở không sinh, không diệt; không thường, không đoạn; không đi và không lại.

Trong tác phẩm Xuất gia sa di quốc âm thập giới (Như Trùng Luân Giác phiên dịch), phần cuối của tác phẩm này qua hai câu:

Chân nguyên thường hạo hạo

Tính tướng tự như như

Dịch:

Chân nguyên thường bát ngát

Tính tướng tự như như

Ở câu thứ nhất, quan niệm của Như Trùng Luân Giác, chân nguyên – nguồn gốc chân thực là rộng lớn, bao la. Ở câu thứ hai, cho thấy tính tướng tồn tại như nó vốn có. Đặt hai câu này trong Thập giới, Như Trùng Luân Giác cho rằng nguồn gốc thực là bát ngát (hạo hạo) nhưng người xuất gia hãy trở về với chính bản thân mình, nhìn rõ thực tính như vốn có để giữ gìn giới răn, tu thành đạo quả. Như vậy, không chỉ “diễn nôm” Thập giới bằng văn vần để các đệ tử của Đức Thế Tôn dễ đọc, dễ hiểu, giữ giới trọn lành mà qua đó trước khi kết thúc, Như Trùng Luân Giác với hai câu đã “tóm gọn” ý nghĩa sâu xa của Thập giới, nhắn gửi khuyên nhủ họ “Thề trọn đời giữ đạo/ Thạo tự tính làm lành”.

Kế thừa Tổ Như Trùng Luân Giác – vị đệ tử chân truyền của Chân Nguyên Long Động bàn đến bản thể, tự tính, chân như những khía cạnh của Thiền học. Hòa thượng Phúc Điền vị tổ đời thứ 7 còn mở rộng những vấn đề cụ thể của Phật học trong đó có vấn đề tam giáo (Nho, Phật, Đạo). Cuốn Chùa Liên Phái danh lam nổi tiếng Hà Thành, mục 2.2.1. Sách do Hòa thượng sáng tác, biên soạn bằng chữ Hán, thống kê tới 11 tác phẩm, trong đó có một số tác phẩm đề cập đến tam giáo như:

Tam giáo nhất nguyên: 1 quyển

Tam giáo quán khuy (Đạo giáo nguyên lưu) một bộ 3 quyển

Tại gia tu trì Tam giáo nguyên lưu, 1 bộ 3 quyển

Tân soạn Thích giáo chân ngôn 1 thiên

Tiên Nho công luận 1 thiên.

Vấn đề Tam giáo với: Tam giáo đồng nguyên; Tam giáo đồng hành; Tam giáo đồng tôn đã được kết thúc, làm sáng tỏ từ thời Lý – Trần. Thời Hậu Lê về quan phương tuy không bàn đến nhưng những tư tưởng căn cốt của Tam giáo thì vẫn lưu hành, diễn ra trong thực tế từ triều đình đến bậc xuất gia tu hành Phật giáo.

Vua Lê Thánh Tông (1442 – 1497) một quân vương tức Nho nhưng rất sùng Đạo giáo là một ví dụ. Vậy tại sao Hòa thượng Phúc Điền lại “hồi đầu” Tam giáo. Trong bài Tiểu dẫn sách Đạo giáo nguyên lưu, Hòa thượng cho biết điều đó: “Nhân mùa an cư kết hạ, ngao du chốn bể Phật mệnh mông, chơi đùa chốn rừng Nho bát ngát, cũng quay về một cội nguồn. Các bậc tiên hiền đời xưa giảng kinh, viết luận, có người dẫn ra Phạn Hoa danh nghĩa; có người dẫn lời Chu Khổng, Lão Trang; có chỗ giống nhau, có chỗ khác nhau, có khi kính trọng có khi phỉ báng; có điều thiện ác, có điều ghét yêu; có chỗ vạch ra ý nghĩa thiết yếu; có chỗ dùng chữ Hán, có chỗ dùng Quốc âm. Có khi loay hoay mấy ngày không diễn giải nổi một câu nào. Nhân đó bèn thêm khảo Bách gia chư tử, biên tập sắp xếp các mục phân ra làm 3 quyển, đặt tên là Đạo giáo nguyên lưu để tiện xem xét. Cũng trong Bài Tiểu dẫn, sách Đạo giáo nguyên lưu, đoạn văn mở đầu tuy ngắn gọn nhưng Hòa thượng đã toát yếu được cốt lõi của mỗi tôn giáo (Phật, Nho, Đạo), lý giải sự cần thiết “nguyên lưu” của ba tôn giáo đối với mỗi người cũng như đối với xã hội.

Là đệ tử của Thiền phái Lâm Tế chính tông, Hòa thượng Phúc Điền ngoài việc sáng tác, nhuận san kinh sách Phật giáo nói chung còn chú tâm đến văn điển Thiền tông mà một trong văn điển cốt yếu đó là cuốn Kinh Kim cương (Kim Cang). Vì vậy Hòa thượng cho dịch kinh Kim cương, 1 quyển; viết lời tựa khi in kinh Kim Cương kinh quốc âm. Nhờ đó mà phổ truyền giáo pháp của Thiền phái.

Khi đến giờ quy tây (giờ Tý ngày 16 tháng 11 năm?) Hòa thượng đọc bài kệ truyền pháp, đáng chú ý là hai câu sau:

Đạo ngoại nguyên vô đạo

Không trung cảnh bất không

(Bên ngoài đạo vốn không có đạo/Trong cái không rút cục chẳng không).

Với Phật giáo Nguyên thủy (Theravada), tính không nói về thể tính con người. Đến Phật giáo Đại thừa phát triển, không là vạn sự, vạn vật là không, tức mọi hiện tượng thân tâm đều không hề có tự tính. Được hiểu sự vật không phải là không có. Chúng có, nhưng không có tự tính, tất cả đều do duyên hợp mà thành. Tiếp cận tính không là nội dung của phép tu học, nhất là Thiền tông[14].

Tổ thứ 13, Hòa thượng Thích Gia Quang, kế đăng trụ trì chùa Liên Phái từ năm 1992. Hòa thượng hiện là Phó Chủ tịch HĐTS GHPGVN, Trưởng ban Thông tin truyền thông GHPGVN, Viện Trưởng phân viện Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam, Tổng biên tập Tạp chí Nghiên cứu Phật học. Ngoài ra, Hòa thượng hiện là Trưởng ban Trị sự GHPGVN tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2022 – 2027; Trưởng ban Trị

sự GHPGVN tỉnh Tuyên Quang nhiệm kỳ 2022 – 2027. Nguyên Trưởng ban Trị sự sự GHPGVN tỉnh Hà Giang nhiệm kỳ II (2017 – 2022). Ở mỗi cương vị của mình Hòa thượng Thích Gia Quang đều hoàn thành tốt. Sơn môn Liên Phái tiếp tục được xiển dương về chùa cảnh cũng như Phật sự theo truyền thống của các Tổ để lại. Với Phật giáo một số tỉnh miền núi phía Bắc, cụ thể là Phật giáo các tỉnh Cao Bằng, Hà Giang, Tuyên Quang những tỉnh địa đầu Tổ quốc, có vai trò vị trí chiến lược Hòa thượng cùng với một số chư tôn đức không quản khó khăn vất vả đưa ánh sáng Phật Đà đến với người dân các dân tộc thiểu số nơi đây. Các tỉnh trên nhờ đó đã thành lập được Ban Trị sự GHPGVN cấp tỉnh, từng bước kiện toàn hệ thống tổ chức. Cả ba tỉnh đều đã tiến hành Đại hội lần III (2022 – 2027).

Với cương vị Trưởng ban Truyền thông GHPGVN trong đó có Cổng thông tin Phật giáo đã cung cấp nguồn tài liệu phong phú về Phật học và các hoạt động Phật sự được xác thực và được trình bày một cách thực tiễn và miễn phí đến Phật tử và độc giả trong và ngoài nước kể từ năm 2014 đến nay.

Là Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học, Hòa thượng một mặt kế thừa những thành tựu của các vị tiền bối, mặt khác luôn cải tiến nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu Phật học. Tạp chí Nghiên cứu Phật học, nguyên là Nội san Nghiên cứu Phật học, là diễn đàn của Tăng Ni, Phật tử trong công tác học thuật và nghiên cứu Phật học. Năm 1996, Nội san chuyển thành Nghiên cứu Phật học. Tạp chí ra định kỳ 2 tháng/ số, 6 số/ năm. Từ khi Tạp chí có Hội đồng Biên tập và chỉ số, chất lượng các bài in được nâng cao rõ rệt. Ngày 27 – 11 – 2020, tại giảng đường chùa Quán Sứ, Hà Nội đã diễn ra kỷ niệm 30 năm thành lập Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội và Tạp chí Nghiên cứu Phật học ra số đầu tiên. Đáp từ tại buổi lễ, Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhấn mạnh: “Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, ngày càng phát triển, định hình được nền văn hóa dân tộc từ thời Đinh – Lê – Lý và nhất là thời Trần. Tư tưởng của Phật giáo đời Trần được khẳng định qua sự nghiên cứu và triển khai qua các thời kỳ hội thảo trong nước cũng như ngoài nước với các nhà nghiên cứu và các Trung tâm, các Viện nghiên cứu Tôn giáo cũng như Viện Hàn lâm khoa học xã hội, đã đạt được những thành tựu tốt đẹp”.

Với tinh thần “Duy tuệ thị nghiệp” Hòa thượng sau nhiều năm miệt mài nghiên cứu, thứ năm ngày 31/12/2015 tại Học Viện khoa học xã hội, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hòa thượng đã bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ chuyên ngành Tôn giáo giáo học với đề tài “Tổ chức Phật giáo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở vùng núi phía Bắc nước ta hiện nay”. Luận án đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận về tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng về các vấn đề tổ chức Phật giáo ở vùng núi phía Bắc Việt Nam. Đồng thời góp phần

nâng cao đời sống văn hóa, xã hội, đời sống tinh thần, tâm linh và bảo vệ an ninh trật tự của đồng bào địa phương trên địa bàn[15].

3. Sơn môn Liên Phái với việc biên soạn, dịch thuật, khắc ván in, ấn tống kinh sách Phật giáo

Một trong những thành tựu rất đáng ghi nhận của sơn môn Liên Phái và một số Tổ của sơn môn để tâm biên soạn, dịch thuật, khắc ván in, ấn tống kinh sách Phật giáo. Khởi đầu là Tổ Như Trừng Lâm Giác với hai tác phẩm, các tổ tiếp theo, đáng kể là Tổ Phúc Điền đã bỏ nhiều công sức biên soạn, dịch thuật, khắc ván in, ấn tống nhiều kinh sách Phật giáo góp phần vào sự nghiệp hoằng dương Phật pháp, (về số liệu kinh sách được các tổ biên soạn, dịch thuật, khắc ván in xin xem chương II: Lịch sử truyền thừa chùa Liên Phái, sách: Chùa Liên Phái danh lam nổi tiếng Hà Thành, từ trang 38 đến trang 224.

Nguyễn Lang trong Việt Nam Phật giáo sử luận (tr 568) viết: “Thiền sư Phúc Điền là người có công lớn trong việc bảo tồn sử liệu Phật giáo”.

Sách Lịch sử Phật giáo Việt Nam của Viện Triết học viết: “Người có công lớn nhất trong việc sáng tác các văn bản Phật giáo lúc bấy giờ phải kể đến Hòa thượng Phúc Điền”[16]. Cuốn Chùa Liên Phái danh lam nổi tiếng Hà Thành cho biết về sở học cũng như công lao của Hòa thượng trong công việc ấn tống kinh sách. Về sở học: Sau khi thụ giới Tỳ kheo Bồ tát, Hòa thượng chuyên tâm tu học, cầu tiến không lui, hầu như nỗ lực tự học là chính. Ngoài Phật học, Hòa thượng còn nghiên cứu tinh thông cả Nho học và Đạo học”. Năm 1835, vâng chỉ vua Minh Mệnh, Hòa thượng tới kinh đô Huế dự thi kỳ tuyển duyệt, được phong Tăng Cang (Cương) và cấp Giới đạo độ điệp. “Trong thời gian này Hòa thượng đã lưu lại ở Huế, đi khảo sát các chùa và thu lượm tình hình Phật giáo tại Huế, cũng như các tỉnh miền Nam. Nhờ vậy Hòa thượng đã thu lượm được rất nhiều thơ phú, tư liệu một cách có hệ thống... Sau khi từ kinh đô Huế trở về, Hòa thượng bắt đầu sự nghiệp hoằng dương Phật pháp”[17].

Trong điều kiện tuệ học của hành giả, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn đòi hỏi của Phật giáo đương thời, Hòa thượng đã chọn lọc, cho khắc in những vấn đề cần thiết không chỉ cho bậc xuất gia mà còn cho chúng tu tại gia. Vì vậy một số quyển là tập hợp những nội dung mang tính tổng hợp. Chẳng hạn như cuốn: Kim Cương quốc âm trong đó in kèm cả Khóa hư lục giải âm; Lễ thiên địa nhượng tính cập âm hồn bài vị được in kèm vào Tiểu Du Già. Cuốn Kim Cương Di Đà kệ chú Châm minh trong đó có rất nhiều phần được in gộp vào như: Kinh Kim Cương, kinh Di Đà...

Để hướng dẫn người học, Hòa thượng đã dành công sức và trí lực viết lời tựa cho một số kinh. Đó là việc làm cần thiết và thiết thực.

4. Kết luận

Ra đời vào đầu thế kỷ XVIII với công nghiệp khai sáng của Trịnh Thập, sau là Tổ Như Trừng Lâm Giác. Chùa Liên Tông (sau đổi là Liên Phái) nhanh chóng trở thành một sơn môn, có vai trò, vị trí hết sức quan trọng trong dòng chảy lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Chưa có một thống kê cụ thể, nhưng cho đến nay, sơn môn Liên Phái đã có hàng chục tự viện và đều là những tự viện nổi tiếng ở vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Trải qua 13 đời Tổ trụ trì, trong lịch sử cũng như hiện tại, một số Tổ đã trở thành thạch trụ, là lương đồng. Các Tổ đã góp phần quan trọng vào việc đào tạo tăng tài truyền thừa, kế thế hậu lai, xương minh giáo đoàn Tăng già.

Một trong những đóng góp quan trọng của sơn môn Liên Phái là việc truyền bá Phật pháp, cụ thể là giáo pháp của Thiền Lâm Tế qua các trước tác, các bài kệ truyền pháp. Không ít những tư tưởng của Phật Đà, của Thiền phái hiện vẫn còn giá trị đương đại chốn thiền môn./.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2023

PGS.TS. Nguyễn Hồng Dương Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam ***

Chú thích [1] TT. TS. Thích Thọ Lạc, PGS.TS. Nguyễn Hồng Dương (2022), Phật giáo và Phật giáo Việt Nam – Tăng già, Phật Pháp, Tự viện, Nghi lễ, sách chuyên khảo, Nxb Công an nhân dân, tái bản, Hà Nội, tr 44 - 45. [2] Nguyễn Duy Hình (1999), Tư tưởng Phật giáo Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 496. [3] Hiện nay thuộc ngõ chùa Liên Phái, số 182, phố Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. [4] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Thượng tọa Thích Gia Quang – Giáo sư Nguyễn Tá Nhí (2009), Chùa Liên Phái danh lam nổi tiếng Hà Thành, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr 5. [5] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Thượng tọa Thích Gia Quang – Giáo sư Nguyễn Tá Nhí, Sđd, tr 5. [6] Pháp hiệu đầy đủ là Như Như Trừng Trừng hoặc Như Trừng Lâm Giác. Theo TT. Thích Tiến Đạt, trụ trì chùa Đại Từ Ân (Thị xã Sơn Tây, Hà Nội), Thiền Lâm Tế Đàng Ngoài thế kỷ XVII – XVIII có hai chi phái: Một chi do Thiền sư Chuyết Chuyết và một chi do Thiền sư Hương Hải/ Minh Châu Hương Hải (1627 – 1715). Chi do Thiền sư Chuyết Chuyết pháp danh một thời gian dài đặt cho các thiền sư thường dùng điệp từ như Chuyết Chuyết, Minh Hành Tại Tại, Như Như Trừng Trừng. [7] Chùa Hàm Long nay thuộc thôn Thái Bảo, xã Nam Sơn, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. [8] Giáo hội

Phật giáo Việt Nam, Thượng tọa Thích Gia Quang – Giáo sư Nguyễn Tá Nhí, Sđd, tr 40. [9] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Thượng tọa Thích Gia Quang – Giáo sư Nguyễn Tá Nhí, Sđd, tr 65. [10] Tuy nhiên vẫn có một số sơn môn vẫn duy trì kế truyền thừa mà không có sự thay đổi, chẳng hạn như sơn môn Trà Lũ Trung – Nam Định. [11] Theo <https://www.Nikiwand.com.chùa...> truy cập ngày 3/2/2023. [12] TT.TS. Thích Nguyên Đạt: Lịch sử tư tưởng các tông phái Phật giáo Trung Hoa. Đề cương bài giảng dùng cho Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội. [13] Nguyễn Lang (2012), Việt Nam Phật giáo sử luận, Nxb Phương Đông, Hà Nội, tr 450. [14] Tính không, <vi.m.wikipedia.org>. Truy cập ngày 9/2/2023. [15] Xem, Hoàng Nam: 30 năm thành lập Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội, <nhandan.vn>. [16] Xem, Chùa Liên Phái danh lam nổi tiếng Hà Thành, Sđd, tr 69. [17] Xem, Chùa Liên Phái danh lam nổi tiếng Hà Thành, Sđd, tr 66 – 67. Tài liệu tham khảo: 1. Nguyễn Duy Hình (1999), Tư tưởng Phật giáo Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội. 2. Nguyễn Quang Khải (2011), Chùa Hàm Long, Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội 3. HT. TS. Thích Thọ Lạc, PGS.TS. Nguyễn Hồng Dương (2022), Phật giáo và Phật giáo Việt Nam – Tăng già, Phật Pháp, Tự viện, Nghi lễ. Nxb Công an nhân dân, Hà Nội. 4. Nguyễn Lang (2012), Việt Nam Phật giáo sử luận, Nxb Phương Đông, Hà Nội. 5. TT. Thích Gia Quang, GS. Nguyễn Tá Nhí (2009), Chùa Liên Phái danh lam nổi tiếng Hà Thành, Nxb Tôn giáo, Hà Nội